

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 29/11/2022

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST - DS ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ N – sinh năm: 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân L – sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Bà N và ông Nguyễn Xuân L chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lộc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với gia đình ông L. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc nên ly thân từ đó đến nay. Nay bà N xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Xuân Đ – sinh ngày 25/8/2016 và Nguyễn Thị Mỹ T – sinh ngày 25/8/2016. Hiện con tên Đ đang sống với ông L, con tên T đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N nuôi con tên T, để con tên Đ cho ông L nuôi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N và ông L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà N và ông L không nợ ai và không ai nợ lại.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân L: Ông L vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông L có HKTT ở ấp 6, xã L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục, tuy nhiên ông L không đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật, xác định đúng và đầy đủ tư cách đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ quy định của pháp luật.

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt là hợp lệ. Ông L vắng mặt nhưng Tòa án đã niêm yết các thủ tục đúng quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Xuân Đ – sinh ngày 25/8/2016 và Nguyễn Thị Mỹ T – sinh ngày 25/8/2016. Khi ly hôn giao bà N nuôi con tên T, giao ông L nuôi con tên Đ, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

Về nợ: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân L nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L cư trú tại xã L, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Xuân L vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết đối với ông L. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án ông L vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại phiên tòa, không thực hiện quyền lợi của mình là xem như từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà N và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét.

Lời khai bà N có trong hồ sơ xác định không còn tình cảm với ông L nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Thời gian chung sống giữa bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn, theo bà N do bất đồng quan điểm, ông L không quan tâm chăm lo cho gia đình làm cho gia đình

không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử xét trong thấy thời gian ly thân giữa bà N và ông L không hàn gắn tình cảm được, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà N được ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Xuân Đ – sinh ngày 25/8/2016 và Nguyễn Thị Mỹ T – sinh ngày 25/8/2016. Hiện con tên Đ đang sống với ông L, con tên T đang sống với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con tên T, để con tên Đ cho ông L nuôi. Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh hiện cháu Đ đang sống với ông L. Do đó, để đảm bảo sự ổn định của các cháu cần giao cháu T cho bà N nuôi, giao cháu Đ cho ông L nuôi.

Về cấp dưỡng: Do mỗi người nuôi một con, bà N yêu cầu không bên nào cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có nên không xem xét.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà N phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ N;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung: Bà N nuôi con tên Nguyễn Thị Mỹ T – sinh ngày 25/8/2016, ông L nuôi con tên Nguyễn Xuân Đ – sinh ngày 25/8/2016, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009966 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Lộc Ninh
- CCHADS huyện Lộc Ninh
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh